

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Tờ trình: Số 44/TTr-SXD ngày 05 tháng 3 năm 2025<sup>1</sup> và số 152/TTr-SXD ngày 08/3/2025<sup>2</sup>.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

<sup>1</sup>Về việc Đề nghị phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>2</sup>Về việc cập nhật thông tin tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 kèm theo Tờ trình số 44/TTr-SXD ngày 05/3/2025 của Sở Xây dựng đề nghị phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Xây dựng, Nội vụ, Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Các thành viên của 02 Ban Chỉ đạo<sup>3</sup>;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH, KTTC, CNXDKHCN<sub>NCC\_TM.09</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đâu Thanh Tùng**

---

<sup>3</sup>Gồm: (1) Ban Chỉ đạo về phát triển nhà ở xã hội và thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa Tại Quyết định số 3486-QĐ/TU ngày 08/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (2) Ban Chỉ đạo Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong 02 năm 2024 - 2025 Tại Quyết định số 3209-QĐ/TU ngày 05/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

**ĐỀ ÁN**

**Hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ**  
(*Kèm theo Quyết định số 747 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa*)

**I. MỞ ĐẦU****1. Khái quát chung về tỉnh Thanh Hóa**

Thanh Hóa là tỉnh nằm ở cực bắc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung, cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.560 km về phía Bắc. Phía Bắc giáp các tỉnh: Sơn La, Hòa Bình và Ninh Bình; phía Nam giáp tỉnh Nghệ An; phía Tây giáp tỉnh Hòa Phấn (nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào), phía Đông là Vịnh Bắc Bộ. Là một tỉnh nằm ở vị trí trung chuyển giữa các tỉnh phía Bắc và các tỉnh phía Nam nước ta. Thanh Hóa có diện tích tự nhiên 11.114,71 km<sup>2</sup> và dân số 3,76 triệu người, là tỉnh lớn thứ năm về diện tích và thứ ba về dân số so với cả nước. Tỉnh Thanh Hóa có số đơn vị hành chính đứng thứ hai cả nước với 2 thành phố (Thanh Hóa, Sầm Sơn), 2 thị xã (Bỉm Sơn, Nghi Sơn) và 22 huyện, trong đó có 11 huyện miền núi.

Toàn tỉnh Thanh Hóa có trên 350.300 người có công với cách mạng, trong đó: có 4.634 Bà mẹ Việt Nam anh hùng (hiện có 55 Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống); trên 55.900 liệt sĩ; 860 cán bộ lão thành cách mạng, 444 cán bộ tiền khởi nghĩa, trên 43.600 thương binh; gần 16.000 bệnh binh; trên 15.200 người hoạt động kháng chiến và con đẻ của họ bị nhiễm chất độc hóa học; trên 1.100 người có công giúp đỡ cách mạng; trên 1.600 người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; trên 210.00 người tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân, Huy chương,... Hiện nay, toàn tỉnh có trên 66.800 người có công với cách mạng và thân nhân đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hằng tháng; trên 99,8% hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú; 100% các Mẹ Việt Nam anh hùng đã được các cơ quan, ban, ngành, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng, chăm sóc suốt đời.

**2. Tình hình thực hiện một số chính sách hỗ trợ nhà ở người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ; hỗ trợ hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh**

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ: Tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện

hỗ trợ cho hơn 32.000 hộ nghèo xây dựng nhà ở.

- Xây dựng nhà phòng tránh lũ lụt theo Quyết định 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện hỗ trợ cho 100 hộ.

- Chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện hỗ trợ cho 21.065 hộ.

- Hỗ trợ nhà ở hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực Miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện hỗ trợ cho 3.299 hộ.

- Chương trình hỗ trợ nhà ở hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện hỗ trợ cho 8.244 hộ.

- Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo của tỉnh Thanh Hóa thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt số hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện đối tượng được hỗ trợ là 9.509 hộ.

- Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong 02 năm 2024 - 2025: Nhằm huy động cao nhất các nguồn lực từ xã hội, cùng với nguồn lực của Nhà nước để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh; phấn đấu trong năm 2025 hoàn thành 03 nhiệm vụ: Hỗ trợ nhà ở cho người có công; hỗ trợ nhà ở cho người dân theo các chương trình mục tiêu quốc gia; xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người dân ngoài 2 nhóm hỗ trợ trên.

### **3. Căn cứ lập Đề án**

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09/12/2020.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025.

- Quyết định phê duyệt danh sách hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ được hỗ trợ nhà ở của UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Các quy định của pháp luật có liên quan.

## II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

### 1. Mục tiêu, nguyên tắc hỗ trợ

a) Mục tiêu hỗ trợ: Hoàn thành việc hỗ trợ cho 1.735 hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh trong năm 2025.

b) Nguyên tắc hỗ trợ:

- Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm hoặc nhà bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở) để các hộ gia đình này xây dựng nhà ở mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở, nâng cao chất lượng nhà ở.

- Việc hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, không chồng chéo chính sách và phù hợp theo quy định.

- Việc hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở được thực hiện theo phương châm Nhà nước hỗ trợ và khuyến khích cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng nhà ở bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng hộ gia đình; kết hợp, lồng ghép với các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả chính sách.

- Kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách và đảm bảo chi trả kịp thời cho đối tượng.

**2. Phạm vi áp dụng:** Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### 3. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP<sup>4</sup> hiện đang ở và có hộ khẩu thường trú tại nhà ở là nhà tạm

<sup>4</sup> Hộ gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, gồm 12 đối tượng, trong đó:

(1) 11 đối tượng quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng:

+ Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

+ Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

+ Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

+ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

+ Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

+ Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;

+ Bệnh binh;

+ Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

hoặc nhà bị hư hỏng nặng (kể cả các hộ đã được hỗ trợ theo các chính sách khác trước đây, trừ những hộ gia đình đã được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở).

#### 4. Thứ tự ưu tiên đối với các đối tượng được hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Hộ gia đình người có công mà nhà ở có nguy cơ sập đổ, không an toàn khi sử dụng.

- Hộ gia đình mà người có công cao tuổi.

- Hộ gia đình người có công là dân tộc thiểu số.

- Hộ gia đình người có công có hoàn cảnh khó khăn.

- Hộ gia đình người có công thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

#### 5. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ từ ngân sách Trung ương với mức sau:

- Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ đối với trường hợp xây mới nhà ở.

- Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa nhà ở.

b) Hỗ trợ thêm từ nguồn vốn theo Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, trong 2 năm 2024-2025”:

- Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ đối với trường hợp xây mới nhà ở.

- Hỗ trợ 10 triệu đồng/hộ đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa nhà ở.

#### 6. Số lượng hộ được hỗ trợ; kinh phí, nguồn vốn thực hiện hỗ trợ

a) Số lượng hộ được hỗ trợ: **1.735 hộ** (Trong đó: Xây mới 899 hộ; cải tạo, sửa chữa 836 hộ) (cụ thể tại danh sách đã được UBND các huyện phê duyệt kèm theo Tờ trình số 152/TTr-SXD ngày 08/3/2025 của Sở Xây dựng).

b) Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:

- Từ ngân sách Trung ương (*Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 14438/BTC-NSNN ngày 27/12/2024*): 79.020.000.000 đồng (*Bảy mươi chín tỷ, không trăm hai mươi triệu đồng*). Trong đó: Xây mới là 53.940.000.000 đồng; cải tạo, sửa chữa là 25.080.000.000 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*);

- Từ nguồn vốn theo Chỉ thị số 22-CT/TU: 26.340.000.000 đồng (*Hai*

---

+ Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;

+ Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế;

+ Người có công giúp đỡ cách mạng.

(2) Thân nhân liệt sĩ.

mười sáu tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó: Xây mới là 17.980.000.000 đồng; cải tạo, sửa chữa là 8.360.000.000 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*).

- Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và nguồn vốn theo Chỉ thị số 22-CT/TU, tùy tình hình điều kiện thực tế, các địa phương có thể huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (ngân sách địa phương, xã hội hóa, dòng họ,...) và đóng góp của hộ gia đình được hỗ trợ để nâng cao mức hỗ trợ.

### **7. Yêu cầu về chất lượng nhà ở**

- Đối với trường hợp nhà ở phải phá dỡ để xây dựng lại thì sau khi được hỗ trợ, nhà ở mới được xây dựng phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30 m<sup>2</sup>; trường hợp hộ độc thân thì diện tích xây dựng nhà ở nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 24 m<sup>2</sup>. Nhà ở xây dựng mới phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), độ bền tối thiểu 20 năm.

- Đối với trường hợp nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở thì sau khi sửa chữa phải bảo đảm tiêu chuẩn “2 cứng” (khung - tường cứng, mái cứng), có tuổi thọ từ 10 năm trở lên, nhưng không yêu cầu phải đúng tiêu chuẩn về diện tích sử dụng theo quy định nêu trên.

### **8. Phương thức thực hiện**

- Việc cấp vốn: Căn cứ số vốn được UBND tỉnh phân bổ (từ ngân sách Trung ương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác), UBND cấp huyện thực hiện phân bổ vốn hỗ trợ cho UBND cấp xã. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

- Sau khi nhận được tạm ứng kinh phí hỗ trợ nhà ở theo quy định, các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở. Trường hợp hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, khuyết tật,...) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ gia đình này (phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trên địa bàn, vận động, tổ chức xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các đối tượng này).

- UBND cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, vận động việc thực hiện xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích, chất lượng nhà ở theo quy định của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Khi hoàn thành xây dựng phần nền móng và khung - tường nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành (*theo Mẫu số 05 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP*); khi hoàn thiện toàn bộ nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng (*theo Mẫu số 06 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP*).

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Xây dựng**

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp thẩm quyền việc dừng cấp

kinh phí đối với các hộ chưa nhận kinh phí hỗ trợ theo Chỉ thị số 22-CT/TU để chuyển sang nguồn hỗ trợ theo Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg.

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh báo cáo (theo Mẫu số 04 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP) gửi các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ và các Bộ liên quan kèm theo Đề án, để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định bố trí vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đơn đốc, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các địa phương tổ chức thực hiện Đề án. Giải quyết các vướng mắc theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: Trên cơ sở báo cáo của UBND cấp huyện, các sở, ngành, đơn vị có liên quan, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện định kỳ **trước ngày 20 của tháng cuối mỗi Quý (bắt đầu từ Quý I/2025)** để báo cáo các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện: Trên cơ sở báo cáo của các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg, báo cáo UBND tỉnh (**trước ngày 10/3/2026**) để UBND tỉnh có văn bản báo cáo (**đảm bảo trước ngày 30/3/2026**) gửi về các Bộ: Xây dựng, Tài chính và các Bộ liên quan để tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Sở Tài chính

- Việc cấp vốn: Căn cứ Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ về nhà ở trên địa bàn tỉnh được phê duyệt; nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có); hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ; tham mưu, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí để thực hiện theo quy định.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phân bổ, bố trí kinh phí từ ngân sách Trung ương để thực hiện; hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán, ... theo quy định.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: Báo cáo kết quả thực hiện (các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ) định kỳ **trước ngày 10 của tháng cuối mỗi Quý (bắt đầu từ Quý II/2025)** gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện: Tổ chức tổng kết, đánh giá (các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ) kết quả thực hiện Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg, gửi văn bản về Sở Xây dựng (**trước ngày 10/02/2026**) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

## 3. Sở Nội vụ: Phối hợp với các Sở: Xây dựng, Tài chính; UBND các



huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan để thực hiện các nội dung công việc có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**4. Sở Nông nghiệp và Môi trường:** Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất giải pháp giải quyết các trường hợp còn vướng mắc về đất đai theo thẩm quyền, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

**5. Báo Thanh Hóa, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh:** Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án này và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan để các cơ quan, đoàn thể, nhân dân biết và giám sát việc thực hiện.

**6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:** Phối hợp với các cấp chính quyền và các tổ chức thành viên Mặt trận tích cực vận động các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, các tổ chức và các cá nhân ủng hộ, giúp đỡ, hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ; đồng thời thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu.

**7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh:** Đề xuất phương án đưa lực lượng về các địa phương để phối hợp việc thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ xây dựng, sửa chữa nhà ở trong trường hợp cần thiết (nếu có yêu cầu).

## **8. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

- Tổng hợp, kiểm tra và phê duyệt danh sách số hộ thuộc diện được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn cấp huyện, báo cáo UBND tỉnh để làm cơ sở lập và phê duyệt Đề án trên địa bàn tỉnh theo trình tự quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh về số liệu, danh sách đối tượng được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng, ban liên quan phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã tổ chức công khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ về nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh; đồng thời giới thiệu cho các hộ gia đình tham khảo các mẫu nhà ở điển hình (do Sở Xây dựng phổ biến, giới thiệu), nghiên cứu áp dụng xây dựng nhà ở phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng hộ.

- Việc cấp vốn: Căn cứ số vốn được UBND tỉnh phân bổ (từ ngân sách Trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác), UBND cấp huyện thực hiện phân bổ vốn hỗ trợ cho UBND cấp xã. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: Báo cáo kết quả thực hiện (các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ) định kỳ *trước ngày 10 của tháng cuối mỗi Quý (bắt đầu từ Quý II/2025)* gửi về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện: Tổ chức tổng kết, đánh giá (các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ) kết quả thực hiện Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg, gửi văn bản về Sở Xây dựng (*trước ngày 10/02/2026*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo UBND cấp xã phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trên địa bàn, vận động, tổ chức xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ già cả, neo đơn không có khả năng tự xây dựng, sửa chữa.

- Thông tin tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg, Điều 102 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và hướng dẫn các hộ gia đình người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ triển khai thực hiện chính sách. Tổ chức công bố công khai các tiêu chí, đối tượng được thụ hưởng chính sách.

- Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức hướng dẫn giúp đỡ các hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ quản lý chất lượng nhà ở và trình tự, thủ tục xây dựng và sửa chữa nhà ở, sử dụng kinh phí đúng mục đích.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ có khó khăn về nhà ở thuộc diện đối tượng được hỗ trợ; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực, đảm bảo các hộ có nhà ở đạt chất lượng theo quy định sau khi được hỗ trợ.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm (nếu có) trong việc thực hiện hỗ trợ nhà ở theo Đề án được duyệt.

## **9. UBND các xã, phường, thị trấn**

- Chịu trách nhiệm đối chiếu, lập danh sách các hộ được hỗ trợ, báo cáo UBND cấp huyện (đảm bảo không trùng lặp gây thất thoát, lãng phí, chính xác về đối tượng, điều kiện về nhà ở và chịu trách nhiệm về số liệu).

- Niêm yết công khai danh sách và mức hỗ trợ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ về nhà ở tại trụ sở của UBND cấp xã sau khi Đề án được phê duyệt.

- Thực hiện tạm ứng, thanh toán chi trả cho các đối tượng theo đúng định mức và quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, vận động việc thực hiện xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích, chất lượng nhà ở theo quy định của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. Khi hoàn thành xây dựng phần nền móng và khung - tường nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành (*theo Mẫu số 05 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có gửi kèm theo*); khi hoàn thiện toàn bộ nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng (*theo Mẫu số 06 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, có gửi kèm theo*).

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trên địa bàn, vận động, tổ chức xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ già cả, neo đơn không có khả năng tự xây dựng, sửa chữa nhà ở theo danh sách được phê duyệt.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời UBND tỉnh (bằng văn bản, đồng thời gửi Sở Xây dựng để được xem xét, hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

**PHỤ LỤC 1**  
**TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ**  
**THÂN NHÂN LIỆT SĨ ĐƯỢC HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở NĂM 2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 10 / 03/2025*  
*của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa	Tổng số hộ thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở	Tổng số tiền hỗ trợ để các hộ xây dựng mới nhà ở	Tổng số tiền hỗ trợ để các hộ sửa chữa nhà ở	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Thành phố Thanh Hóa	53	2.460.000.000	360.000.000	100% từ nguồn ngân sách Trung ương
2.	Thành phố Sầm Sơn	0	0	0	
3.	Thị xã Bỉm Sơn	6	240.000.000	60.000.000	
4.	Thị xã Nghi Sơn	206	2.100.000.000	5.130.000.000	
5.	Huyện Quảng Xương	23	480.000.000	450.000.000	
6.	Huyện Hoằng Hóa	98	3.720.000.000	1.080.000.000	
7.	Huyện Hậu Lộc	21	840.000.000	210.000.000	
8.	Huyện Hà Trung	67	2.220.000.000	900.000.000	
9.	Huyện Nga Sơn	119	4.860.000.000	1.140.000.000	
10.	Huyện Thiệu Hóa	235	9.660.000.000	2.220.000.000	
11.	Huyện Triệu Sơn	81	3.240.000.000	810.000.000	
12.	Huyện Yên Định	112	3.240.000.000	1.740.000.000	
13.	Huyện Nông Cống	73	1.020.000.000	1.680.000.000	
14.	Huyện Ngọc Lặc	22	600.000.000	360.000.000	
15.	Huyện Cẩm Thủy	31	780.000.000	540.000.000	
16.	Huyện Thạch Thành	46	1.200.000.000	780.000.000	
17.	Huyện Vĩnh Lộc	136	4.200.000.000	1.980.000.000	
18.	Huyện Thọ Xuân	113	2.880.000.000	1.950.000.000	
19.	Huyện Như Thanh	44	1.260.000.000	690.000.000	
20.	Huyện Như Xuân	4	180.000.000	30.000.000	
21.	Huyện Thường Xuân	27	420.000.000	600.000.000	
22.	Huyện Lang Chánh	5	180.000.000	60.000.000	
23.	Huyện Bá Thước	133	4.500.000.000	1.740.000.000	
24.	Huyện Quan Hóa	66	3.120.000.000	420.000.000	
25.	Huyện Quan Sơn	14	540.000.000	150.000.000	
26.	Huyện Mường Lát	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.735</b>	<b>53.940.000.000</b>	<b>25.080.000.000</b>	

**PHỤ LỤC 2**  
**TỔNG HỢP DANH SÁCH HỘ GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ**  
**THÂN NHÂN LIỆT SĨ ĐƯỢC HỖ TRỢ THÊM VỀ NHÀ Ở NĂM 2025**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 10/03/2025  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Thanh Hóa	Tổng số hộ thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở	Tổng số tiền hỗ trợ thêm để các hộ xây dựng mới nhà ở	Tổng số tiền hỗ trợ thêm để các hộ sửa chữa nhà ở	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1.	Thành phố Thanh Hóa	53	820.000.000	120.000.000	Từ nguồn vốn theo Chỉ thị số 22-CT/TU
2.	Thành phố Sầm Sơn	0	0	0	
3.	Thị xã Bỉm Sơn	6	80.000.000	20.000.000	
4.	Thị xã Nghi Sơn	206	700.000.000	1.710.000.000	
5.	Huyện Quảng Xương	23	160.000.000	150.000.000	
6.	Huyện Hoằng Hóa	98	1.240.000.000	360.000.000	
7.	Huyện Hậu Lộc	21	280.000.000	70.000.000	
8.	Huyện Hà Trung	67	740.000.000	300.000.000	
9.	Huyện Nga Sơn	119	1.620.000.000	380.000.000	
10.	Huyện Thiệu Hóa	235	3.220.000.000	740.000.000	
11.	Huyện Triệu Sơn	81	1.080.000.000	270.000.000	
12.	Huyện Yên Định	112	1.080.000.000	580.000.000	
13.	Huyện Nông Cống	73	340.000.000	560.000.000	
14.	Huyện Ngọc Lặc	22	200.000.000	120.000.000	
15.	Huyện Cẩm Thủy	31	260.000.000	180.000.000	
16.	Huyện Thạch Thành	46	400.000.000	260.000.000	
17.	Huyện Vĩnh Lộc	136	1.400.000.000	660.000.000	
18.	Huyện Thọ Xuân	113	960.000.000	650.000.000	
19.	Huyện Như Thanh	44	420.000.000	230.000.000	
20.	Huyện Như Xuân	4	60.000.000	10.000.000	
21.	Huyện Thường Xuân	27	140.000.000	200.000.000	
22.	Huyện Lang Chánh	5	60.000.000	20.000.000	
23.	Huyện Bá Thước	133	1.500.000.000	580.000.000	
24.	Huyện Quan Hóa	66	1.040.000.000	140.000.000	
25.	Huyện Quan Sơn	14	180.000.000	50.000.000	
26.	Huyện Mường Lát	0	0	0	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.735</b>	<b>17.980.000.000</b>	<b>8.360.000.000</b>	

Mẫu số 05 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  
 -----

**<sup>1</sup>BIÊN BẢN XÁC NHẬN XÂY DỰNG NHÀ Ở  
 HOÀN THÀNH THEO GIAI ĐOẠN**

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm .....

Tại công trình nhà ở của chủ hộ (ông/bà): .....

Địa chỉ: .....

Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở xã (hoặc phường thị trấn...) gồm:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã (hoặc phường, thị trấn) .....

Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

2. Đại diện thôn (hoặc tổ dân phố): .....

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

3. Đại diện hộ gia đình:

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

Sau khi kiểm tra, xem xét thực tế phần công việc đã thực hiện của giai đoạn đầu (hoàn thành xây dựng nền móng và khung-tường), Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở xã (hoặc phường, thị trấn) .....thống nhất các nội dung sau:

1. Xác nhận hoàn thành phần việc xây dựng nền móng và khung - tường nhà ở của chủ hộ gia đình (ông/bà): .....

2. Phần việc xây dựng nhà ở giai đoạn 1 bảo đảm yêu cầu chất lượng. Biên bản này được lập thành 04 bản để các bên sau đây lưu giữ:

- 01 bản chủ hộ gia đình lưu giữ;

- 01 bản gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện;

- 01 bản lưu Ủy ban nhân dân xã (hoặc phường, thị trấn) .....

- 01 bản để Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc phường, thị trấn) tổng hợp, lập hồ sơ hoàn thành công trình gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Thành phần tham gia xác nhận** (ký và ghi rõ họ, tên)

1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã: .....

2. Đại diện thôn (hoặc tổ dân phố): .....

3. Đại diện hộ gia đình: .....

**Ghi chú:** <sup>1</sup> Biên bản này chỉ lập sau khi hộ gia đình hoàn thành xây dựng phần nền móng và khung - tường nhà ở. Sau khi hoàn thiện nhà ở thì lập Biên bản theo Mẫu số 06 Phụ lục IX Nghị định này.

Mẫu số 06 Phụ lục IX Nghị định số 131/2021/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**<sup>1</sup>BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH XÂY DỰNG NHÀ Ở ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm .....

Tại công trình xây dựng nhà ở của chủ hộ (ông/bà)

Địa chỉ:

Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở xã (hoặc phường, thị trấn...) gồm:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã (hoặc phường, thị trấn) :.....:

Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

2. Đại diện thôn (hoặc tổ dân phố): .....

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

- Ông (bà): ..... Chức vụ: .....

3. Đại diện hộ gia đình:

Ông (bà): .....

Sau khi kiểm tra, xem xét thực tế nhà ở đã hoàn thành xây dựng, Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở xã (hoặc phường, thị trấn) ..... thống nhất các nội dung sau đây:

1. Xác nhận nhà ở của chủ hộ: ..... đã hoàn thành việc xây dựng toàn bộ nhà ở.

- Diện tích nhà ở: .....m<sup>2</sup>

- Vật liệu làm nền móng nhà: .....

- Vật liệu làm thân nhà: .....

- Vật liệu làm mái nhà: .....

2. Đồng ý để chủ hộ đưa nhà ở vào sử dụng.

Biên bản lập thành 04 bản để các bên sau đây lưu giữ:

- 01 bản chủ hộ gia đình lưu giữ;

- 01 bản gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện;

- 01 bản lưu Ủy ban nhân dân xã (hoặc phường, thị trấn) .....

- 01 bản để Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc phường, thị trấn ...) tổng hợp, lập hồ sơ hoàn thành công trình gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Thành phần tham gia xác nhận** (ký và ghi rõ họ, tên)

1. Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã: .....

2. Đại diện thôn (hoặc tổ dân phố): .....

3. Đại diện hộ gia đình: .....

**Ghi chú:** <sup>1</sup> Nếu nhà ở chưa hoàn thành hoặc không đảm bảo chất lượng thì không ký biên bản xác nhận và có biên bản yêu cầu chủ hộ sửa chữa, bổ sung.